

NĂNG LỰC VĂN HÓA TRONG CHĂM SÓC CỘNG ĐỒNG ĐỒNG TÍNH, SONG TÍNH, CHUYỂN GIỚI VÀ NĂNG LỰC ĐỒNG CẢM CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG

Tôn Nữ Minh Đức, Hồ Duy Bình, Trần Thị Hồng Hạnh

Lê Thị Thu Hiền và Hồ Thị Thùy Trang✉

Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế

Năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT (LGBT – CC) và năng lực đồng cảm (NLĐC) là hai năng lực thiết yếu của điều dưỡng (ĐD) làm việc trong môi trường đa văn hóa. Nghiên cứu nhằm tìm hiểu LGBT – CC và NLĐC trên sinh viên điều dưỡng (SVĐD) và các yếu tố liên quan. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang được áp dụng trên 263 SVĐD năm thứ 3 và 4 tại Trường Đại học Y-Dược, Đại học Huế năm 2024. Kết quả điểm trung bình LGBT – CC và NLĐC của SVĐD lần lượt là $4,48 \pm 0,53$ và $3,59 \pm 0,41$, đều ở mức trung bình. Có mối tương quan thuận giữa LGBT – CC và NLĐC ($p < 0,001$). Các yếu tố dự đoán LGBT – CC bao gồm: NLĐC, tần suất truy cập mạng xã hội liên quan đến cộng đồng LGBTQ+, tần suất tiếp xúc với người LGBTQ+, năng lực thực hành lâm sàng (NLTHLS) với $p < 0,001$. Vì vậy, các chương trình can thiệp nhằm nâng cao năng lực thiết yếu này cho SVĐD là cần thiết.

Từ khóa: Năng lực văn hóa, cộng đồng LGBTQ+, năng lực đồng cảm, sinh viên điều dưỡng.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) có những nhu cầu chăm sóc sức khỏe khá đặc thù. Theo Ayhan và cộng sự (cs) (2020), cộng đồng này có nguy cơ về sức khỏe tâm thần, bệnh mãn tính và tự tử cao hơn.^{1,2} Ngoài ra, nỗi lo sợ bị phân biệt đối xử, sự thiếu kiến thức, thiếu hiểu biết của các nhân viên y tế về chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng LGBT cũng dẫn đến những rào cản trong chăm sóc sức khỏe cho những đối tượng này.^{2,3} Chính vì vậy, việc trang bị cho nhân viên y tế nói chung và điều dưỡng nói riêng về năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng người LGBT là rất quan trọng, góp phần chăm sóc sức khỏe tối ưu cũng như giảm sự bất bình

đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ sức khỏe.⁴

Năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe là năng lực được phát triển dần dần của các điều dưỡng để cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe an toàn và chất lượng cho khách hàng thuộc các nền văn hóa khác nhau.⁵ Các thuộc tính xác định của năng lực văn hóa trong chăm sóc là nhận thức văn hóa (cultural awareness), sự nhạy cảm về văn hóa (cultural sensitivity), kiến thức văn hóa (cultural knowledge), và kỹ năng văn hóa (cultural skills); Tiền đề là sự đa dạng văn hóa, sự tiếp xúc và tương tác văn hóa và sự chuẩn bị thông qua giáo dục văn hóa.⁶ Năng lực văn hóa trong chăm sóc điều dưỡng là một năng lực thiết yếu của người điều dưỡng hiện đại làm việc trong môi trường đa văn hóa.⁷ Do đó, việc xây dựng năng lực văn hóa trong chăm sóc điều dưỡng nói chung và chăm sóc cộng đồng người LGBT nói riêng cho sinh viên điều dưỡng (SVĐD) là một nhu cầu cấp thiết trong giáo dục điều dưỡng.

Tác giả liên hệ: Hồ Thị Thùy Trang

Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế

Email: httrang@huemed-univ.edu.vn

Ngày nhận: 16/12/2024

Ngày được chấp nhận: 09/01/2025

Năng lực đồng cảm (compassion competence) được định nghĩa là nhận thức sâu sắc và mong muốn mạnh mẽ cố gắng làm giảm bớt đau khổ của người khác.⁸ Trong thực hành điều dưỡng, năng lực đồng cảm là sự kết nối và giao tiếp với bệnh nhân một cách cảm thông, với sự thấu hiểu và nhạy cảm.⁹ Khi người điều dưỡng hiểu được những khó khăn về thể chất, tinh thần và cảm xúc của người bệnh, năng lực đồng cảm có thể giúp điều dưỡng phản ứng tốt hơn với nhu cầu của họ từ đó nâng cao sự hài lòng của bệnh nhân với dịch vụ điều dưỡng.¹⁰ Năng lực đồng cảm là một phẩm chất thiết yếu đối với điều dưỡng và là một phần quan trọng giúp sinh viên điều dưỡng hiểu được nỗi đau của bệnh nhân trong thực hành lâm sàng và giúp họ vượt qua căn bệnh.¹¹ Nghiên cứu cho thấy năng lực đồng cảm của sinh viên điều dưỡng càng cao thì năng lực văn hóa của họ càng cao.¹² Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào xác định ảnh hưởng của năng lực đồng cảm đến năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe đối với cộng đồng LGBTQ+.

Nghiên cứu về năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT và năng lực đồng cảm của sinh viên điều dưỡng là cần thiết, tuy nhiên trong khuôn khổ tìm kiếm của chúng tôi, các nghiên cứu về chủ đề này ở Việt Nam còn rất hạn chế. Nghiên cứu tìm hiểu về năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng LGBT (LGBT - CC) và năng lực đồng cảm trên SVDD góp phần xác định được năng lực hiện tại của sinh viên, từ đó cung cấp cơ sở khoa học giúp định hướng những can thiệp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đào tạo điều dưỡng trong tương lai. Vì vậy chúng tôi thực hiện đề tài “*Năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe đối với cộng đồng đồng tính, song tính, chuyển giới (LGBT) và mối liên quan đến năng lực đồng cảm của sinh viên điều dưỡng*” với các mục tiêu: (1) *Tìm hiểu năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe*

đối với cộng đồng LGBT và năng lực đồng cảm của sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế; (2) *Mô tả một số yếu tố liên quan đến năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT của nhóm đối tượng trên.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

SVDD đại học chính quy năm thứ 3 và 4 tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

Tiêu chuẩn lựa chọn: SVDD đại học chính quy năm thứ 3 và 4 tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên vắng mặt trong thời gian lấy số liệu.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ: Lấy toàn bộ các đối tượng thỏa mãn tiêu chuẩn chọn mẫu và đồng ý tham gia nghiên cứu với tỷ lệ tham gia nghiên cứu là 68% (với 263 sinh viên tham gia nghiên cứu trong tổng số 387 sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và thứ 4 của trường).

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: từ tháng 11/2024 đến 12/2024 tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

Thu thập dữ liệu: Phát vấn trực tiếp sử dụng bộ công cụ được thiết kế sẵn.

Bộ câu hỏi: Bộ câu hỏi tự thiết kế theo mục tiêu nghiên cứu và dựa trên Khung lý thuyết Mô hình khái niệm về năng lực văn hóa của Sharifi N và cs (2019), gồm 3 phần⁶:

- **Phần A: Thông tin chung và tần suất tiếp xúc với cộng đồng LGBTQ+:** Tuổi, giới tính, khối lớp, xếp loại học tập của năm học vừa qua, có mối quan hệ với người LGBTQ+, từng chăm sóc bệnh nhân LGBTQ+, từng tham gia khóa học/tập huấn về chăm sóc người LGBTQ+, tự tin vào năng lực chung bản thân, tần suất liên

hệ giữa các nhóm văn hóa: tần suất liên hệ với người từ các nhóm dân tộc hoặc văn hóa khác, tần suất tiếp xúc (gặp gỡ, trò chuyện) với người LGBTQ+...

- *Phần B: Năng lực văn hóa trong chăm sóc điều dưỡng đối với cộng đồng người LGBT*: sử dụng bộ công cụ LGBT - Development of Clinical Skills Scale (LGBT-DOCSS) được phát triển bởi Bidell (2017) với độ tin cậy 0,87.¹³ Bộ công cụ LGBT-DOCSS gồm 18 câu hỏi tự đánh giá, sử dụng thang điểm Likert 7 mức độ (với 1= rất không đồng ý, 4= không có ý kiến, 7= rất đồng ý), được chia thành 3 lĩnh vực: Sự sẵn sàng về kỹ năng lâm sàng (Clinical Preparedness - 7 câu), Nhận thức thái độ (Attitudinal Awareness - 7 câu) và Kiến thức cơ bản (Basic Knowledge - 4 câu). Điểm càng cao thể hiện kiến thức và sự sẵn sàng về kỹ năng lâm sàng càng cao và thái độ càng ít định kiến với người bệnh thuộc cộng đồng LGBT. Bộ công cụ LGBT-DOCSS đã được sử dụng trong nhiều nghiên cứu trên sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe để đo lường năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT (LGBT cultural competency) tại nhiều nước trên thế giới.¹⁴⁻¹⁷

- *Phần C: Năng lực đồng cảm*: được đo lường sử dụng bản hiệu chỉnh của thang đo *Compassion Competence Scale-CCS*, được phát triển bởi Lee Y, và Seomun G (2016), thang đo gồm 17 câu chia thành 3 lĩnh vực: đồng cảm trong giao tiếp (8 câu), sự nhạy cảm (5 câu) và sự thấu hiểu (4 câu).⁹ Mỗi câu hỏi sử dụng thang điểm Likert 5 mức độ (với 1= rất không đồng ý, 3= không có ý kiến, 5= rất đồng ý). Thang điểm gốc được khuyến cáo sử dụng trên điều dưỡng viên, trong phiên bản hiệu chỉnh này, tác giả đã thay đổi một số từ ngữ để phù hợp với việc đánh giá trên sinh viên (ví dụ như từ “đồng nghiệp” được chuyển thành “bạn bè”...); quy ước tính điểm 1= Rất đồng ý đã được chuyển thành Rất không đồng ý, và

ngược lại 5= rất không đồng ý đã được chuyển thành rất đồng ý trong phiên bản Tiếng Việt này để phù hợp với việc tự đánh giá năng lực. Điểm của thang đo là tổng điểm trung bình (TB) của các câu hỏi thành phần, điểm càng cao cho thấy năng lực đồng cảm của sinh viên càng cao.¹² Các câu 8, 10, 17 trong bộ câu hỏi được chuyển sang nghĩa phủ định để tránh trường hợp đối tượng tham gia nghiên cứu chỉ đánh phiếu một chiều mà không hiểu rõ nội dung của câu hỏi (Ví dụ câu 17: “Tôi có thể đồng cảm tốt với khó khăn của người bệnh (NB)” được chuyển thành “Tôi không thể đồng cảm tốt với khó khăn của NB”). Sau đó, các câu này được thực hiện đảo điểm trong quá trình phân tích.

Các thang đo Tiếng Anh này được dịch và hiệu chỉnh theo quy trình 10 bước từ hướng dẫn “Translation and Cultural Adaptation of Patient Reported Outcomes Measures - Principles of Good Practice” của Diane Wild và cs (2005) sau đó, đánh giá Độ tin cậy Cronbach’s alpha của thang đo.¹⁸ Độ tin cậy của thang đo LGBT-DOCSS, Compassion Competence Scale-CCS phiên bản Tiếng Việt được sử dụng trong nghiên cứu này lần lượt là 0,76; và 0,71.

Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu thu thập sẽ được xử lý theo phương pháp thống kê y học trên phần mềm SPSS 20.0. Thống kê mô tả sử dụng TB và độ lệch chuẩn, tần số và tỷ lệ phần trăm. Thống kê phân tích sử dụng tương quan Spearman để phân tích Tương quan giữa năng lực văn hóa trong chăm sóc người bệnh LGBT với năng lực đồng cảm, và Phép kiểm Hồi quy tuyến tính đa biến Linear Regression được sử dụng để xác định các yếu tố tuyên đoán năng lực văn hóa trong chăm sóc người bệnh thuộc cộng đồng LGBT của sinh viên điều dưỡng với mức ý nghĩa $p < 0,05$. Trước khi chọn test thống kê, số liệu sẽ được kiểm tra tính phân phối chuẩn để định hướng chọn test thống kê phù hợp với phân phối của

số liệu. Các biến độc lập được kiểm định liên quan có ý nghĩa thống kê với biến Năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT ($p < 0,05$) sẽ được đưa vào mô hình hồi quy tuyến tính đa biến.

3. Đạo đức nghiên cứu

Đề cương nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng xét duyệt đề cương nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Y - Dược Huế và được cấp kinh phí thực hiện. Đối tượng tham

gia nghiên cứu là hoàn toàn tự nguyện và không chịu bất cứ sự ép buộc nào trong tham gia nghiên cứu. Mục đích và nội dung nghiên cứu được thông báo cụ thể cho mọi đối tượng tham gia nghiên cứu. Những thông tin được đối tượng cung cấp hoàn toàn được ẩn danh, bảo mật và chỉ nhằm mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

1. Đặc điểm chung

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu (n = 263)

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Tuổi Mean \pm SD (min - max)	20,76 \pm 0,59 (20 - 24)		
Giới tính	Nữ	245	93,2
	Nam	11	4,2
	Giới tính thứ 3 (LGBTQ+)	7	2,7
Khối lớp	Sinh viên năm 3	103	38,8
	Sinh viên năm 4	161	61,2
Khu vực sinh sống	Thành Thị	107	40,7
	Nông thôn	156	59,3
Dân tộc	Kinh	255	97,0
	Khác	8	3,0
Tôn giáo	Có	42	16
	Không	221	64
Xếp loại học tập của năm học vừa qua	Xuất sắc	7	2,7
	Giỏi	40	15,2
	Khá	198	75,3
	TB	18	6,8
Có mối quan hệ với người LGBTQ+	Có mối quan hệ thân	78	29,7
	Không có mối quan hệ	185	70,3
Từng chăm sóc bệnh nhân LGBTQ+	Có	38	14,4
	Không	225	85,6
Từng tham gia khóa học/tập huấn về chăm sóc người LGBTQ+	Có	20	7,6
	Không	243	92,4

Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu		Số lượng	Tỷ lệ (%)
<i>Tự đánh giá năng lực thực hành lâm sàng của bản thân</i>	Tốt	36	13,7
	Bình thường	221	84,0
	Hạn chế	6	2,3
<i>Tần suất truy cập/xem các nội dung trên mạng xã hội liên quan đến cộng đồng LGBTQ+</i>	Không bao giờ	37	14,1
	Thỉnh thoảng	193	73,4
	Thường xuyên	33	12,5
<i>Tần suất liên hệ với người đến từ nền văn hóa khác</i>	Không bao giờ	61	23,2
	Thỉnh thoảng	180	68,4
	Thường xuyên	22	8,4
<i>Tần suất tiếp xúc (gặp gỡ, trò chuyện) với người LGBTQ+</i>	Không bao giờ	56	21,3
	Thỉnh thoảng	178	67,7
	Thường xuyên	29	11,0
<i>Thành viên của các câu lạc bộ ngoại khóa</i>	Có	60	22,8
	Không	203	77,2

Tuổi TB của ĐTNC là: $20,76 \pm 0,59$ (20 - 24). SV nữ chiếm ưu thế với 93,2% và có 2,7% là SV LGBTQ+. Có 61,2% SV năm 4 và 38,8% năm 3 tham gia NC. Kết quả học tập khá chiếm tỉ lệ cao nhất với 75,3%. 29,7% SV có mối quan hệ thân với người LGBTQ+. Tỷ lệ chưa từng chăm sóc và chưa từng tham gia khóa học tập liên quan đến LGBTQ+ lần lượt là:

85,6% và 92,4%. Đa số SV thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập/xem các nội dung trên mạng xã hội liên quan đến cộng đồng LGBTQ+ chiếm 85,9% và có đến 78,7% SV thỉnh thoảng hoặc thường xuyên tiếp xúc với cộng đồng LGBTQ+.

2. Năng lực văn hóa trong chăm sóc người bệnh LGBT và năng lực đồng cảm

Bảng 2. Năng lực văn hóa trong chăm sóc người bệnh LGBT và năng lực đồng cảm (n = 263)

Điểm Trung bình	Min - Max	Mean	SD
<i>Điểm TB LBGT – CC</i>	2,5 - 5,94	4,48	0,53
Điểm TB sự sẵn sàng lâm sàng	1,29 - 7,00	3,81	0,87
Điểm TB thái độ	2,43 - 7,00	5,52	0,90
Điểm TB kiến thức	1,25 - 6,00	3,82	0,95
<i>Điểm TB thang đo năng lực đồng cảm</i>	2,24 - 5,00	3,59	0,41
Điểm TB đồng cảm trong giao tiếp	2,00 - 5,00	3,57	0,45
Điểm TB sự nhạy cảm	2,20 - 5,00	3,73	0,48
Điểm TB sự thấu hiểu	1,50 - 5,00	3,47	0,52

Điểm TB LGBT - CC là $4,48 \pm 0,53$ ở mức trung bình, cao nhất là 5,94 điểm và thấp nhất là 2,5 điểm. Trong đó, điểm TB của thái độ là cao nhất ($5,52 \pm 0,90$), sự sẵn sàng lâm sàng có điểm trung bình thấp nhất với $3,81 \pm 0,87$

điểm. Điểm TB năng lực đồng cảm của SVĐĐ là $3,59 \pm 0,41$.

3. Các yếu tố liên quan đến năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT

Bảng 3. Tương quan giữa năng lực văn hóa với năng lực đồng cảm (n = 263)

	Năng lực văn hóa	Năng lực đồng cảm
Năng lực văn hóa	1	0,366 ($p^* < 0,001$)
Năng lực đồng cảm	-	1

*Spearman

Có mối tương quan thuận giữa năng lực văn hóa với năng lực đồng cảm với $p < 0,001$.

Bảng 4. Mô hình hồi quy đa biến các yếu tố liên quan đến LGBT - CC (n = 263)

Yếu tố liên quan	B	SE	β	p	F/R ²	p*
Năng lực đồng cảm	1,89	0,30	0,37	< 0,001		
Tần suất truy cập/xem các nội dung trên mạng xã hội liên quan đến cộng đồng LGBTQ+	0,161	0,05	0,15	0,007		
Tần suất tiếp xúc (gặp gỡ, trò chuyện) với người LGBTQ+	0,161	0,05	0,16	0,007	F = 18,9 R ² = 0,26	< 0,001
Năng lực thực hành lâm sàng	0,19	0,75	0,14	0,009		
Tần suất liên hệ với người đến từ nền văn hóa khác	-0,10	0,05	0,10	0,088		

*Linear Regression

Mô hình hồi quy tuyến tính đa biến với 5 yếu tố bao gồm: năng lực đồng cảm, tần suất truy cập/xem các nội dung trên mạng xã hội liên quan đến cộng đồng LGBTQ+, tần suất tiếp xúc (gặp gỡ, trò chuyện) với người LGBTQ+, năng lực thực hành lâm sàng và tần suất liên hệ với người đến từ nền văn hóa khác giải thích được 26% sự thay đổi điểm trung bình của Năng lực văn hóa trong chăm sóc người bệnh thuộc cộng đồng LGBTQ+ trên sinh viên điều dưỡng ($F = 18,9; p < 0,001$).

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu trên 263 SVĐĐ chính quy năm thứ 3 và 4 cho thấy: Điểm TB LGBT – CC ở mức trung bình ($4,48 \pm 0,53$). Trong đó, điểm TB của thái độ cao nhất với $5,52 \pm 0,90$ điểm; sự sẵn sàng lâm sàng và kiến thức về văn hóa trong chăm sóc người bệnh LGBT khá tương đồng lần lượt là $3,81 \pm 0,87$, và $3,82 \pm 0,95$. Kết quả này có sự khác biệt với nghiên cứu của Kelleher S, điểm TB nhận thức thái độ là $6,54 \pm 0,59$, kiến thức: $5,34 \pm 1,03$ và sự sẵn sàng

lâm sàng $3,39 \pm 0,94$.¹⁹ Nghiên cứu chúng tôi đã chỉ ra rằng điểm TB thái độ cao hơn so với kiến thức và sự sẵn sàng lâm sàng. Điều này có thể giải thích là trong nghiên cứu của chúng tôi, đa số SV chưa từng chăm sóc và chưa từng tham gia khóa học tập liên quan đến LGBTQ+ lần lượt là: 85,6% và 92,4%. Điều này dẫn đến việc thiếu kiến thức và sự chuẩn bị lâm sàng cần thiết để chăm sóc đối tượng này. Trong khi đó, cộng đồng LGBTQ+ ngày nay dần dần được xã hội nhìn nhận, các vấn đề liên quan đến cộng đồng này ngày càng thu hút sự chú ý của các tầng lớp xã hội, đặc biệt là giới trẻ. Trong nghiên cứu của chúng tôi, đa số SV thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập/xem các nội dung trên mạng xã hội liên quan đến cộng đồng LGBTQ+ chiếm 85,9% và có đến 78,7% SV thỉnh thoảng hoặc thường xuyên tiếp xúc với cộng đồng LGBTQ+. Việc chủ động tìm hiểu về cộng đồng LGBTQ+ và tăng tần suất tiếp xúc với cộng đồng này có thể thúc đẩy nâng cao nhận thức thái độ của SV. Kết quả này tương đồng với kết luận của Nowaskie D với kết quả: nhận thức về thái độ cao hơn đáng kể so với cả sẵn sàng lâm sàng và kiến thức.¹⁴

Năng lực đồng cảm là một trong những năng lực thiết yếu giúp sinh viên điều dưỡng hiểu được nỗi đau của bệnh nhân trong thực hành lâm sàng và giúp họ vượt qua căn bệnh.¹¹ Bên cạnh đó, năng lực đồng cảm còn là yếu tố chính trong việc nâng cao và thực hiện năng lực văn hóa của sinh viên.¹² Trong nghiên cứu của chúng tôi, điểm trung bình năng lực đồng cảm của SVĐD ở mức trung bình ($3,59 \pm 0,41/5$ điểm). Kết quả này khá tương đồng với nghiên cứu của Lee và cộng sự (2022) trên sinh viên điều dưỡng tại Hàn Quốc với kết quả năng lực đồng cảm ở mức trung bình (3,99 điểm).¹² Nghiên cứu này cũng tìm ra rằng năng lực đồng cảm có tương quan thuận với năng lực văn hóa.¹² Mối tương quan giữa năng lực đồng

cảm và năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT cũng được xác định trong nghiên cứu của chúng tôi với $p < 0,001$. Bên cạnh đó, năng lực thực hành lâm sàng cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến năng lực văn hóa trong chăm sóc người bệnh LGBTQ+, điều này có thể giải thích là trong thang đo LGBT-DOCSS, sự sẵn sàng lâm sàng là một phần của thang đo nhằm đánh giá sự sẵn sàng của người học trong việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc cho cộng đồng LGBT. Sinh viên càng có sự chuẩn bị lâm sàng tốt, càng có khả năng đạt được năng lực thực hành lâm sàng cao.²⁰ Trong nghiên cứu này, với kết quả điểm trung bình của cả năng lực đồng cảm và năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT trên sinh viên điều dưỡng đều ở mức trung bình, nghiên cứu kiến nghị rằng nhà trường nên có các can thiệp nhằm nâng cao năng lực đồng cảm và năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT cho sinh viên điều dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Nghiên cứu của Dustin 2020 ở Mỹ chỉ ra rằng có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng LGBT với tần suất tiếp xúc với người LGBTQ+.¹⁶ Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi. Việc tiếp xúc với cộng đồng người LGBTQ+ làm tăng sự hiểu biết, nâng tầm nhận thức về đặc điểm, nhu cầu của cộng đồng LGBTQ+, từ đó giúp nâng cao năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng này. Vì vậy, các cơ sở giáo dục cần quan tâm tích cực đến các yếu tố này trong việc nâng cao năng lực văn hóa của người học. Nghiên cứu của Tulalay và cộng sự (2024) chỉ ra rằng, sinh viên càng thường xuyên truy cập mạng xã hội để tìm hiểu/xem các nội dung liên quan đến cộng đồng LGBTQ+ thì điểm LGBT – CC càng cao, kết quả này cũng đồng nhất với nghiên cứu của chúng tôi.¹⁷ Ngày nay, cùng với sự nhận thức

ngày càng cao của cộng đồng, các vấn đề liên quan đến cộng đồng LGBTQ+ được các kênh truyền thông và mạng xã hội truyền tải ngày càng phổ biến. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho giới trẻ, đặc biệt là sinh viên dễ dàng truy cập và tìm hiểu các thông tin về cộng đồng này. Trên cơ sở đó, nhiều chương trình can thiệp trên nền tảng website (web-based learning) đã được áp dụng để nâng cao năng lực văn hóa của người học.²¹ Trên cơ sở đó, các cơ sở giáo dục có thể xem xét tận dụng đặc tính này để phát triển các chương trình can thiệp trên nền tảng mạng xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo các vấn đề liên quan đến năng lực văn hóa.

Như vậy, nghiên cứu đã đưa ra các số liệu về Năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT và năng lực đồng cảm của sinh viên điều dưỡng. Đồng thời tìm thấy các yếu tố tuyên đoán năng lực văn hóa trong chăm sóc cộng đồng LGBT để có thể đưa ra các kiến nghị phù hợp nhằm nâng cao năng lực thiết yếu này của sinh viên điều dưỡng. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ tập trung vào sinh viên năm ba và năm bốn, chưa thực hiện nghiên cứu trên sinh viên năm nhất và năm hai, điều này có thể không phản ánh đầy đủ sự phát triển của hai loại năng lực này qua các giai đoạn khác nhau của quá trình đào tạo. Hơn nữa, việc dựa vào các bảng câu hỏi tự đánh giá có thể ảnh hưởng đến độ chính xác trong việc đo lường năng lực thực sự của sinh viên trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng LGBT. Vì vậy, cần tiến hành nghiên cứu kết hợp định tính định lượng để có kết quả toàn diện hơn, đồng thời nên mở rộng đối tượng ra các khối lớp và các đơn vị đào tạo để có cái nhìn khái quát và có cơ sở so sánh kết quả.

V. KẾT LUẬN

Năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe đối với Cộng đồng người đồng tính, song tính

và chuyển giới của sinh viên điều dưỡng đại học chính quy tại Trường Đại học Y - Dược Đại học Huế ở mức trung bình. Các yếu tố liên quan đến năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng LGBT bao gồm: năng lực đồng cảm, tần suất truy cập/xem các nội dung trên mạng xã hội liên quan đến cộng đồng LGBTQ+, tần suất tiếp xúc với người LGBTQ+, năng lực thực hành lâm sàng, kết quả nghiên cứu có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Từ những kết quả trên, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị sau: cơ sở giáo dục cần quan tâm tổ chức các hoạt động ngoại khóa giao lưu văn hóa, tạo điều kiện gặp gỡ, tiếp xúc, làm việc với những người trong cộng đồng LGBTQ+ để tăng cường nhận thức, hiểu biết về cộng đồng này tăng cường năng lực đồng cảm cho sinh viên. Tổ chức các hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng LGBTQ+. Xem xét việc đưa thêm học phần về năng lực văn hóa trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng LGBTQ+, năng lực đồng cảm vào chương trình giáo dục điều dưỡng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ayhan CHB, Bilgin H, Uluman OT, et al. A Systematic Review of the Discrimination Against Sexual and Gender Minority in Health Care Settings. *Int J Health Serv.* Jan 2020;50(1):44-61. doi:10.1177/0020731419885093
2. Casey LJ, Wootton BM, McAloon J. Mental health, minority stress, and the Australian Marriage Law postal survey: A longitudinal study. *American Journal of Orthopsychiatry.* 2020;90(5):546.
3. Wang Y-C, Miao N-F, You M-H, et al. Enhancing cultural competence in caring for lesbian, gay, bisexual, and transgender patients: An online training program for Taiwanese student nurses and nurses. *Nurse Education Today.* 2023;129:105914.

4. Bass B, Nagy H. Cultural Competence in the Care of LGBTQ Patients. *StatPearls*. StatPearls Publishing; 2023.
5. Cai D-Y. A concept analysis of cultural competence. *International Journal of Nursing Sciences*. 2016;3(3):268-273.
6. Sharifi N, Adib-Hajbaghery M, Najafi M. Cultural competence in nursing: A concept analysis. *Int J Nurs Stud*. Nov 2019;99:103386. doi:10.1016/j.ijnurstu.2019.103386
7. Ličen S, Prosen M. The development of cultural competences in nursing students and their significance in shaping the future work environment: a pilot study. *BMC Medical Education*. 2023;23(1):819.
8. Chochinov HM. Dignity and the essence of medicine: the A, B, C, and D of dignity conserving care. *BMJ*. 2007;335(7612):184-187.
9. Lee Y, Seomun G. Development and validation of an instrument to measure nurses' compassion competence. *Applied Nursing Research*. 2016;30:76-82. doi:https://doi.org/10.1016/j.apnr.2015.09.007
10. Boyle DA. Countering compassion fatigue: A requisite nursing agenda. *The Online Journal of Issues in Nursing*. 2011;16(1).
11. Dewar B, Nolan M. Caring about caring: Developing a model to implement compassionate relationship centred care in an older people care setting. *International Journal of Nursing Studies*. 2013;50(9):1247-1258. doi:https://doi.org/10.1016/j.ijnurstu.2013.01.008
12. Lee J, Jun WH. Effect of compassion competence on cultural competence in student nurses: Mediating effect of professional nursing values. *Journal of Professional Nursing*. 2022;41:134-139. doi:https://doi.org/10.1016/j.profnurs.2022.05.003
13. Bidell MP. The Lesbian, Gay, Bisexual, and Transgender Development of Clinical Skills Scale (LGBT-DOCSS): Establishing a new interdisciplinary self-assessment for health providers. *Journal of homosexuality*. 2017;64(10):1432-1460.
14. Nowaskie DZ, Garcia-Dehbozorgi S, Cortez JL. The current state of lesbian, gay, bisexual, and transgender cultural competency among US dermatology residents. *International Journal of Women's Dermatology*. 2022;8(3):e030.
15. Nowaskie DZ, Patel AU. LGBT cultural competency, patient exposure, and curricular education among student pharmacists. *Journal of the American Pharmacists Association*. 2021;61(4):462-469. e3.
16. Nowaskie DZ, Patel AU, Fang RC. A multicenter, multidisciplinary evaluation of 1701 healthcare professional students' LGBT cultural competency: Comparisons between dental, medical, occupational therapy, pharmacy, physical therapy, physician assistant, and social work students. *PLoS One*. 2020;15(8):e0237670.
17. Tulaylay JRL, Dejillas CELA, Jacoba PKP, et al. Examining Nursing Students' Self-Rated Competence in the Care of LGBTQ+ Clients using Pacquiao's Framework for Culturally Competent Healthcare. *Philippine Journal of Nursing*. 2024;94(1):50-65.
18. Wild D, Grove A, Martin M, et al. Principles of good practice for the translation and cultural adaptation process for patient-reported outcomes (PRO) measures: report of the ISPOR task force for translation and cultural adaptation. *Value in health*. 2005;8(2):94-104.
19. Kelleher ST, Barrett MJ, Durnin S, et al. Staff competence in caring for LGBTQ+ patients in the paediatric emergency department. *Archives of Disease in Childhood*. 2023;108(7):525-529.
20. Hepburn SJ, Fatema SR, Jones R,

Rice K, Usher K, Williams J. Preparedness for practice, competency and skill development and learning in rural and remote clinical placements: A scoping review of the perspective and experience of health students. *Adv Health Sci Educ Theory Pract.* Sep 30 2024;doi:10.1007/

s10459-024-10378-4

21. Seay J, Hicks A, Markham MJ, et al. Developing a web-based LGBT cultural competency training for oncologists: the COLORS training. *Patient education and counseling.* 2019;102(5):984-989.

Summary

LGBT CULTURAL COMPETENCY AND COMPASSION COMPETENCE AMONG NURSING STUDENTS

LGBT Cultural competency (LGBT-CC) and compassion competence are two essential competencies for nurses working in a multicultural environment. The study aims to explore LGBT-CC and compassion competence among nursing students and related factors. A cross-sectional descriptive research design was applied to 263 third- and fourth-year nursing students at the University of Medicine and Pharmacy, Hue University, in 2024. The average scores for LGBT-CC and compassion competence among nursing students were 4.48 ± 0.53 and 3.59 ± 0.41 , respectively, both of which were at the average level. There was a positive correlation between LGBT-CC and compassion competence ($p < 0.001$). Predictive factors for LGBT-CC include: compassion competence, frequency of accessing social media related to the LGBTQ+ community contents, frequency of contact with LGBTQ+ individuals, and clinical practice competence with $p < 0.001$. Therefore, intervention programs to enhance these essential competencies for nursing students are necessary.

Keywords: LGBT, cultural competence, nursing students, compassion competence.